

Thanh khoản hạ nhiệt

Trong tuần 34, thanh khoản trên thị trường ghi nhận sụt giảm nhẹ. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 422.0 triệu chứng quyền/1,142 tỷ đồng, giảm 8.4%/ tăng 4.1% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, HPG và STB là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 23% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như MSN, TCB, VIB, MWG, MBB và TPB.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CSSB2504 (+204.9%), CLPB2508 (+191.0%) và CSSB2503 (+129.4%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CHPG2516 (-46.8%), CHPG2505 (-41.4%) và CVPB2522 (-41.2%).

Trong tuần qua, thị trường chứng quyền ghi nhận sự chững lại khi dòng tiền giao dịch có phần suy giảm. Mặc dù vậy, tín hiệu lạc quan vẫn hiện hữu khi số lượng chứng quyền tăng giá tiếp tục chiếm ưu thế so với chiều ngược lại. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVHM2515, CVPB2521 và CVPB2522. Ở hướng ngược lại, các mã như CVHM2520, CVRE2521 và CVHM2519 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 259 mã chứng quyền được định giá.

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	259
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	422
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	1,142
CW tăng giá	141
CW giảm giá	116
CW tham chiếu	2

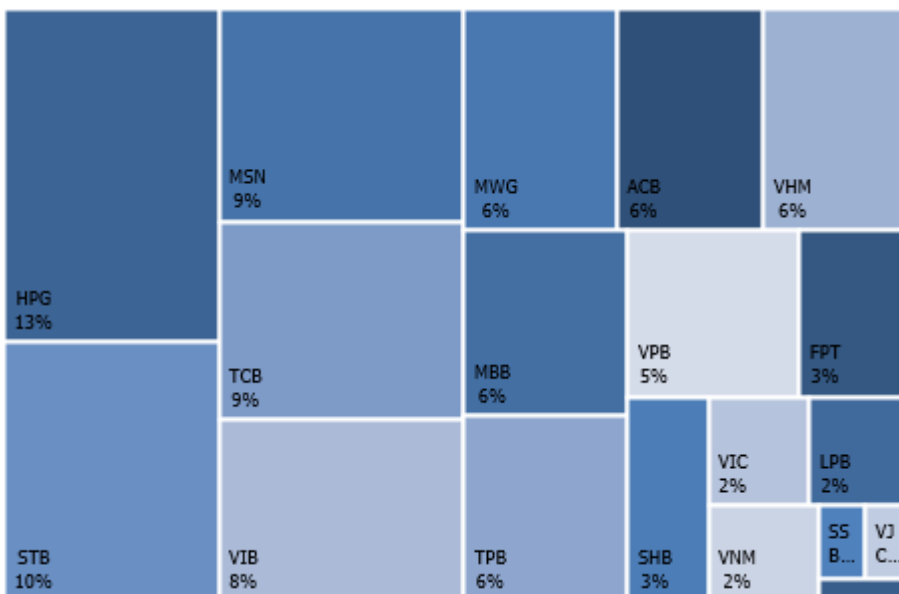
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. Định giá chứng quyền

Chứng quyền	259
Định giá thấp	18
Định giá cao	241

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. Top CW định giá thấp

Mã	Giá thị trường	Giá nội tại	Chênh lệch
CVHM2515	4,010	7,552	(3,542)
CVPB2521	2,300	4,839	(2,539)
CVPB2522	3,910	6,134	(2,224)

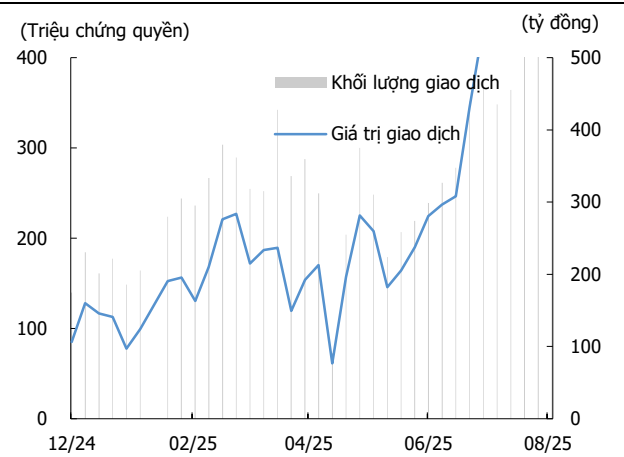
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Ghi chú: Tính đến cuối phiên thứ Sáu gần nhất

Phòng phân tích

Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW



Nguồn: FiinproX, KIS Research

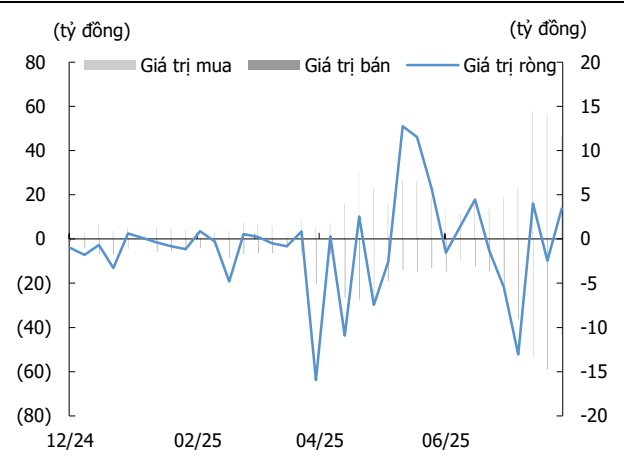
Bảng 4. Top 10 giá trị giao dịch

(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CVIB2504	18/05/2026	4,390	67.6	39.7
CHPG2518	18/05/2026	2,320	(16.5)	36.1
CVHM2513	10/10/2025	5,150	44.6	34.6
CSTB2515	18/05/2026	7,000	35.9	32.6
CTPB2502	08/01/2026	4,700	13.0	31.5
CTPB2503	18/05/2026	4,450	12.7	27.2
CVIB2502	23/10/2025	3,850	122.5	26.9
CACB2503	23/10/2025	3,860	30.4	26.4
CTCB2507	18/05/2026	4,250	9.0	26.0
CMSN2513	10/10/2025	3,300	(17.7)	23.3

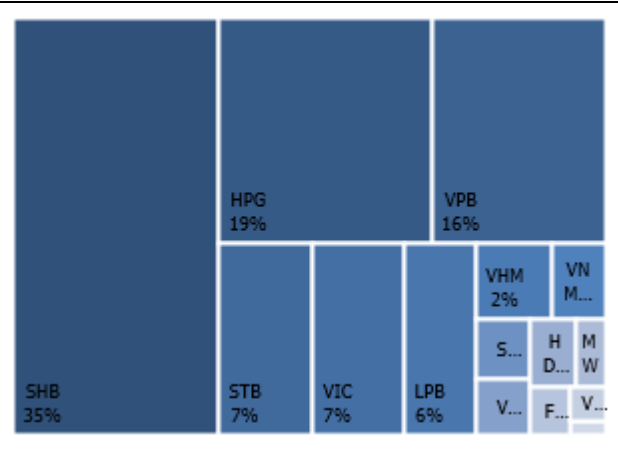
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. Top 3 nước ngoài mua ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CHPG2518	18/05/2026	2,320 (16.5)		5.02	(0.00)	5.02
CVPB2506	02/10/2025	8,700 38.5		4.52	(0.07)	4.45
CSHB2510	30/04/2026	3,290 (14.5)		3.67	(1.42)	2.25

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. Top 3 nước ngoài bán ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CMSN2507	16/10/2025	840 16.8		0.43	(2.91)	(2.48)
CSHB2508	30/01/2026	3,150 (18.8)		0.42	(2.72)	(2.30)
CHPG2512	17/09/2025	700 (23.9)		1.12	(2.53)	(1.41)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	143,055.9	30.0%	8	223,280.0	66.8	18,333,950.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	68,827.5	2.2%				
BID	BIDV	Tài chính	303,673.9	17.4%				
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	42,386.6	27.2%				
CTG	VietinBank	Tài chính	273,332.6	26.8%				
FPT	FPT Corp	CNTT	168,647.2	37.2%	18	85,688.0	38.0	41,053,380.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	159,301.8	1.8%				
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	118,000.0	0.6%				
HDB	HDBank	Tài chính	113,065.2	17.4%	3	15,840.0	4.3	2,507,307.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	199,562.1	21.5%	29	338,268.0	147.3	77,848,293.0
MBB	MBBank	Tài chính	216,679.5	22.9%	15	656,640.0	63.2	11,482,528.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	117,119.2	25.2%	15	229,600.0	107.6	40,109,418.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	103,935.5	48.0%	16	211,948.0	69.7	38,189,441.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	79,241.9	5.1%	8	113,110.0	33.9	8,815,340.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	62,874.5	0.3%	7	29,000.0	7.1	8,462,067.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	45,677.8	16.5%				
LPB	Ngân hàng Lộc Phát	Tài chính	140,402.3	0.9%	8	214,070.0	22.6	11,906,986.0
SAB	SABECO	TD thiết yếu	58,741.4	58.8%				
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	70,494.4	39.9%				
STB	Sacombank	Tài chính	104,629.5	20.2%	22	678,990.0	115.4	26,300,668.0
TCB	Techcombank	Tài chính	276,363.4	22.5%	11	318,025.0	100.3	27,671,333.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	57,066.3	24.7%	5	92,805.0	62.6	14,736,300.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	539,776.6	21.9%				
VHM	Vinhomes	Bất động sản	402,937.1	10.2%	18	1,069,630.0	66.7	14,120,600.0
VIB	VIBBank	Tài chính	80,334.5	5.0%	9	290,004.0	92.4	28,647,674.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	478,159.2	3.9%	8	673,170.0	22.9	2,950,124.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	82,825.6	8.0%	3	30,780.0	6.7	2,579,900.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	122,680.4	48.8%	18	85,004.0	21.8	22,437,937.0
VPB	VPBank	Tài chính	285,224.6	25.7%	20	1,210,135.0	59.3	7,430,300.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	68,169.6	18.0%	18	275,470.0	25.8	11,476,000.0

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 8. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CHDB2503	4.0000 : 1	1,000	1,500	HDB	25,555	31,555	32,350	2.9	25	17/09/2025
2	CHPG2512	3.3309 : 1	1,000	700	HPG	24,888	27,220	26,000	(0.8)	25	17/09/2025
3	CMSN2506	10.0000 : 1	1,000	780	MSN	75,555	83,355	81,000	(0.4)	25	17/09/2025
4	CSHB2503	1.7052 : 1	1,000	3,710	SHB	10,912	17,238	17,250	4.2	25	17/09/2025
5	CSSB2502	4.0000 : 1	1,000	780	SSB	21,234	24,354	22,100	(10.0)	25	17/09/2025
6	CSTB2508	4.0000 : 1	1,000	3,950	STB	40,999	56,799	55,500	(2.8)	25	17/09/2025
7	CVHM2506	5.0000 : 1	1,000	9,560	VHM	51,111	98,911	98,100	(1.1)	25	17/09/2025
8	CVIC2505	5.0000 : 1	1,000	14,000	VIC	55,555	125,555	124,100	(1.9)	25	17/09/2025
9	CVJC2503	10.0000 : 1	1,000	3,010	VJC	109,999	140,099	140,000	2.2	25	17/09/2025
10	CVNM2507	7.7265 : 1	1,000	290	VNM	65,460	67,701	58,700	(12.0)	25	17/09/2025
11	CVPB2508	1.9471 : 1	1,000	7,800	VPB	21,093	36,280	35,950	(0.1)	25	17/09/2025
12	CVRE2507	4.0000 : 1	1,000	2,460	VRE	19,888	29,728	30,000	1.2	25	17/09/2025
13	CHPG2502	2.4982 : 1	2,000	1,650	HPG	22,900	27,022	26,000	(0.1)	32	24/09/2025
14	CSTB2502	3.0000 : 1	2,800	6,450	STB	35,500	54,850	55,500	0.7	32	24/09/2025
15	CVPB2506	1.9471 : 1	1,200	8,700	VPB	19,666	36,606	35,950	(0.9)	42	02/10/2025
16	CACB2505	2.5068 : 1	1,470	2,590	ACB	21,977	28,470	27,850	(0.5)	45	07/10/2025
17	CMWG2505	5.9149 : 1	1,720	2,020	MWG	60,135	72,083	70,300	(3.2)	45	07/10/2025
18	CSTB2505	3.0000 : 1	1,990	5,730	STB	40,000	57,190	55,500	(3.4)	45	07/10/2025
19	CVNM2504	5.7949 : 1	1,640	510	VNM	62,778	65,733	58,700	(9.3)	45	07/10/2025
20	CACB2507	1.6712 : 1	2,000	4,740	ACB	20,890	28,811	27,850	(1.7)	50	10/10/2025
21	CFPT2514	8.6247 : 1	2,300	790	FPT	103,495	110,309	99,000	(9.8)	50	10/10/2025
22	CHPG2519	1.6654 : 1	2,100	2,630	HPG	22,483	26,863	26,000	0.5	50	10/10/2025
23	CLPB2502	4.6575 : 1	1,100	2,700	LPB	34,466	47,041	47,000	(1.8)	50	10/10/2025
24	CMBB2512	1.5000 : 1	1,800	5,690	MBB	18,750	27,285	26,900	1.2	50	10/10/2025
25	CMSN2513	5.0000 : 1	2,200	3,300	MSN	65,000	81,500	81,000	1.9	50	10/10/2025
26	CMWG2512	4.9291 : 1	1,900	1,530	MWG	64,078	71,620	70,300	(2.5)	50	10/10/2025
27	CSTB2516	2.0000 : 1	3,000	6,870	STB	43,000	56,740	55,500	(2.7)	50	10/10/2025
28	CTCB2508	2.0000 : 1	2,100	3,920	TCB	32,000	39,840	39,000	0.0	50	10/10/2025
29	CVHM2513	5.0000 : 1	1,300	5,150	VHM	74,000	99,750	98,100	(2.0)	50	10/10/2025
30	CVIB2506	1.7565 : 1	1,600	4,620	VIB	15,808	23,923	23,600	(5.5)	50	10/10/2025
31	CVNM2512	4.8291 : 1	1,800	730	VNM	58,915	62,440	58,700	(4.5)	50	10/10/2025
32	CVPB2514	1.9471 : 1	1,500	9,600	VPB	17,524	36,216	35,950	0.1	50	10/10/2025
33	CVRE2514	2.0000 : 1	1,400	980	VRE	30,000	31,960	30,000	(5.9)	50	10/10/2025
34	CHPG2513	3.3309 : 1	1,000	740	HPG	25,721	28,186	26,000	(4.2)	56	16/10/2025
35	CMSN2507	10.0000 : 1	1,000	840	MSN	77,999	86,399	81,000	(3.9)	56	16/10/2025
36	CSTB2509	4.0000 : 1	1,000	3,650	STB	42,999	57,599	55,500	(4.1)	56	16/10/2025
37	CVHM2507	5.0000 : 1	1,000	9,190	VHM	53,333	99,283	98,100	(1.5)	56	16/10/2025
38	CVIC2506	5.0000 : 1	1,000	13,800	VIC	57,777	126,777	124,100	(2.9)	56	16/10/2025
39	CVRE2508	4.0000 : 1	1,000	2,360	VRE	20,888	30,328	30,000	(0.9)	56	16/10/2025
40	CHPG2508	1.6654 : 1	2,000	2,780	HPG	22,483	27,113	26,000	(0.5)	59	21/10/2025
41	CTCB2506	4.0000 : 1	1,100	3,800	TCB	25,000	40,200	39,000	(0.9)	59	21/10/2025
42	CVRE2505	2.0000 : 1	1,000	6,630	VRE	17,000	30,260	30,000	(0.6)	59	21/10/2025
43	CACB2503	1.6712 : 1	2,100	3,860	ACB	22,562	29,013	27,850	(2.4)	63	23/10/2025
44	CFPT2502	8.6247 : 1	2,400	220	FPT	146,619	148,516	99,000	(33.0)	63	23/10/2025
45	CHPG2504	1.6654 : 1	2,200	1,950	HPG	24,149	27,397	26,000	(1.5)	63	23/10/2025

46	CMBB2503	1.3033 : 1	1,900	8,000	MBB	16,943	27,369	26,900	0.8	63	23/10/2025
47	CMSN2503	5.0000 : 1	2,600	1,830	MSN	75,000	84,150	81,000	(1.3)	63	23/10/2025
48	CMWG2503	4.9291 : 1	2,400	2,140	MWG	62,106	72,654	70,300	(3.9)	63	23/10/2025
49	CSTB2504	2.0000 : 1	2,700	9,440	STB	38,000	56,880	55,500	(2.9)	63	23/10/2025
50	CTCB2503	2.0000 : 1	2,000	6,980	TCB	26,000	39,960	39,000	(0.3)	63	23/10/2025
51	CVHM2502	5.0000 : 1	1,300	10,850	VHM	45,000	99,250	98,100	(1.5)	63	23/10/2025
52	CVIB2502	1.6895 : 1	1,500	3,850	VIB	17,740	24,245	23,600	(6.8)	63	23/10/2025
53	CVIC2502	5.0000 : 1	1,300	15,950	VIC	45,000	124,750	124,100	(1.3)	63	23/10/2025
54	CVNM2502	4.7916 : 1	2,300	600	VNM	63,249	66,124	58,700	(9.9)	63	23/10/2025
55	CVPB2501	1.9471 : 1	1,600	8,660	VPB	19,471	36,333	35,950	(0.2)	63	23/10/2025
56	CVRE2503	2.0000 : 1	1,600	6,110	VRE	18,000	30,220	30,000	(0.5)	63	23/10/2025
57	CHPG2406	3.3309 : 1	1,300	1,130	HPG	23,316	27,080	26,000	(0.3)	64	24/10/2025
58	CFPT2404	12.8473 : 1	2,600	870	FPT	103,635	114,812	99,000	(13.3)	71	31/10/2025
59	CHPG2409	2.4982 : 1	2,300	2,250	HPG	20,818	26,439	26,000	2.1	71	31/10/2025
60	CMBB2407	1.3033 : 1	2,600	8,070	MBB	16,943	27,461	26,900	0.5	71	31/10/2025
61	CMSN2406	6.0000 : 1	2,700	1,400	MSN	79,000	87,400	81,000	(5.0)	71	31/10/2025
62	CMWG2407	5.9149 : 1	2,200	1,090	MWG	69,007	75,454	70,300	(7.5)	71	31/10/2025
63	CSTB2410	3.0000 : 1	2,200	6,440	STB	38,000	57,320	55,500	(3.7)	71	31/10/2025
64	CTCB2403	5.0000 : 1	1,200	2,700	TCB	26,000	39,500	39,000	0.9	71	31/10/2025
65	CVHM2408	4.0000 : 1	2,600	14,500	VHM	38,000	96,000	98,100	1.9	71	31/10/2025
66	CVIB2407	1.6895 : 1	2,400	5,310	VIB	15,205	24,176	23,600	(6.5)	71	31/10/2025
67	CVNM2407	5.7499 : 1	2,500	450	VNM	65,165	67,752	58,700	(12.0)	71	31/10/2025
68	CVPB2409	1.9471 : 1	1,800	7,820	VPB	21,418	36,644	35,950	(1.0)	71	31/10/2025
69	CVRE2407	2.0000 : 1	2,500	7,380	VRE	16,000	30,760	30,000	(2.2)	71	31/10/2025
70	CFPT2509	21.5616 : 1	1,000	540	FPT	120,744	132,387	99,000	(24.8)	86	17/11/2025
71	CHDB2504	4.0000 : 1	1,000	1,760	HDB	26,666	33,706	32,350	(3.7)	86	17/11/2025
72	CHPG2514	3.3309 : 1	1,000	810	HPG	26,369	29,067	26,000	(7.1)	86	17/11/2025
73	CMSN2508	10.0000 : 1	1,000	970	MSN	79,777	89,477	81,000	(7.2)	86	17/11/2025
74	CMWG2507	9.8582 : 1	1,000	1,060	MWG	65,720	76,170	70,300	(8.4)	86	17/11/2025
75	CSHB2504	1.7052 : 1	1,000	3,640	SHB	11,424	17,631	17,250	1.9	86	17/11/2025
76	CSSB2503	4.0000 : 1	1,000	1,090	SSB	22,345	26,705	22,100	(17.9)	86	17/11/2025
77	CSTB2510	4.0000 : 1	1,000	3,600	STB	43,999	58,399	55,500	(5.4)	86	17/11/2025
78	CVHM2508	5.0000 : 1	1,000	8,800	VHM	54,444	98,444	98,100	(0.7)	86	17/11/2025
79	CVIC2507	5.0000 : 1	1,000	13,050	VIC	58,888	124,138	124,100	(0.8)	86	17/11/2025
80	CVNM2508	7.7265 : 1	1,000	390	VNM	67,606	70,619	58,700	(15.6)	86	17/11/2025
81	CVPB2509	1.9471 : 1	1,100	7,120	VPB	22,066	35,929	35,950	0.9	86	17/11/2025
82	CVRE2509	4.0000 : 1	1,000	2,160	VRE	21,555	30,195	30,000	(0.4)	86	17/11/2025
83	CHPG2526	4.0000 : 1	1,000	890	HPG	27,111	30,671	26,000	(12.0)	100	01/12/2025
84	CLPB2504	4.0000 : 1	1,100	3,350	LPB	35,656	49,056	47,000	(5.8)	100	01/12/2025
85	CMSN2517	10.0000 : 1	1,000	1,090	MSN	86,688	97,588	81,000	(14.9)	100	01/12/2025
86	CSHB2507	1.7698 : 1	1,000	3,210	SHB	12,978	18,659	17,250	(3.7)	100	01/12/2025
87	CSSB2505	2.0000 : 1	1,000	1,980	SSB	20,222	24,182	22,100	(9.4)	100	01/12/2025
88	CSTB2522	5.0000 : 1	1,000	1,940	STB	54,567	64,267	55,500	(14.1)	100	01/12/2025
89	CVHM2517	5.0000 : 1	1,100	3,790	VHM	88,888	107,838	98,100	(9.3)	100	01/12/2025
90	CVIB2509	3.5130 : 1	1,000	1,660	VIB	18,388	24,220	23,600	(6.7)	100	01/12/2025
91	CVIC2510	8.0000 : 1	1,100	3,000	VIC	109,999	133,999	124,100	(8.1)	100	01/12/2025
92	CVJC2504	20.0000 : 1	1,000	2,450	VJC	97,979	146,979	140,000	(2.6)	100	01/12/2025
93	CVNM2516	8.0000 : 1	1,000	650	VNM	63,999	69,199	58,700	(13.9)	100	01/12/2025

94	CVPB2517	4.0000 : 1	1,000	4,160	VPB	19,999	36,639	35,950	(1.0)	100	01/12/2025
95	CVRE2517	2.0000 : 1	1,100	2,290	VRE	27,999	32,579	30,000	(7.7)	100	01/12/2025
96	CTCB2513	5.0000 : 1	1,100	1,230	TCB	41,888	48,038	39,000	(17.0)	102	03/12/2025
97	CHPG2521	3.3309 : 1	1,200	1,500	HPG	23,316	28,312	26,000	(4.7)	108	09/12/2025
98	CSHB2506	1.7698 : 1	1,400	3,100	SHB	12,565	18,051	17,250	(0.5)	108	09/12/2025
99	CSTB2518	4.0000 : 1	1,300	3,380	STB	44,000	57,520	55,500	(4.0)	108	09/12/2025
100	CACB2508	1.6712 : 1	2,100	4,250	ACB	21,726	28,829	27,850	(1.8)	112	11/12/2025
101	CFPT2515	8.6247 : 1	2,500	780	FPT	106,945	113,672	99,000	(12.4)	112	11/12/2025
102	CHPG2520	1.6654 : 1	2,200	2,710	HPG	23,316	27,829	26,000	(3.0)	112	11/12/2025
103	CLPB2501	4.6575 : 1	1,200	2,690	LPB	36,329	48,858	47,000	(5.5)	112	11/12/2025
104	CMBB2513	1.5000 : 1	1,900	5,820	MBB	19,500	28,230	26,900	(2.2)	112	11/12/2025
105	CMSN2514	5.0000 : 1	2,300	3,250	MSN	68,000	84,250	81,000	(1.4)	112	11/12/2025
106	CMWG2513	4.9291 : 1	2,200	1,880	MWG	66,050	75,317	70,300	(7.3)	112	11/12/2025
107	CSTB2517	2.0000 : 1	3,400	6,420	STB	45,000	57,840	55,500	(4.5)	112	11/12/2025
108	CTCB2509	2.0000 : 1	2,300	3,490	TCB	34,000	40,980	39,000	(2.8)	112	11/12/2025
109	CVHM2514	5.0000 : 1	1,600	5,900	VHM	72,000	101,500	98,100	(3.7)	112	11/12/2025
110	CVIB2505	1.7565 : 1	1,600	4,430	VIB	16,687	24,468	23,600	(7.6)	112	11/12/2025
111	CVNM2513	4.8291 : 1	1,900	830	VNM	60,846	64,854	58,700	(8.1)	112	11/12/2025
112	CVPB2515	1.9471 : 1	1,600	9,250	VPB	18,497	36,508	35,950	(0.7)	112	11/12/2025
113	CVRE2513	2.0000 : 1	1,600	1,520	VRE	30,000	33,040	30,000	(9.0)	112	11/12/2025
114	CHPG2515	3.3309 : 1	1,000	890	HPG	26,832	29,797	26,000	(9.4)	116	17/12/2025
115	CMSN2509	10.0000 : 1	1,000	1,050	MSN	81,999	92,499	81,000	(10.2)	116	17/12/2025
116	CSTB2511	4.0000 : 1	1,000	3,350	STB	44,999	58,399	55,500	(5.4)	116	17/12/2025
117	CVHM2509	5.0000 : 1	1,000	6,310	VHM	56,666	88,216	98,100	10.8	116	17/12/2025
118	CVIC2508	5.0000 : 1	1,000	13,300	VIC	60,999	127,499	124,100	(3.4)	116	17/12/2025
119	CVRE2510	4.0000 : 1	1,000	2,180	VRE	22,111	30,831	30,000	(2.5)	116	17/12/2025
120	CMBB2514	2.2500 : 1	2,100	4,300	MBB	18,000	27,675	26,900	(0.3)	120	19/12/2025
121	CMSN2515	8.0000 : 1	2,400	2,650	MSN	64,000	85,200	81,000	(2.5)	120	19/12/2025
122	CMWG2514	4.9291 : 1	2,650	2,240	MWG	63,092	74,133	70,300	(5.8)	120	19/12/2025
123	CTCB2510	3.0000 : 1	2,800	3,100	TCB	31,000	40,300	39,000	(1.1)	120	19/12/2025
124	CTPB2504	2.0000 : 1	1,800	4,200	TPB	13,000	21,400	21,600	0.1	120	19/12/2025
125	CVHM2515	5.0000 : 1	4,000	4,010	VHM	61,000	81,050	98,100	20.6	120	19/12/2025
126	CVIB2507	1.7565 : 1	2,400	5,100	VIB	14,930	23,888	23,600	(5.4)	120	19/12/2025
127	CVRE2515	2.0000 : 1	3,000	2,000	VRE	24,000	28,000	30,000	7.4	120	19/12/2025
128	CLPB2505	4.0000 : 1	1,100	3,280	LPB	36,688	49,808	47,000	(7.3)	133	02/01/2026
129	CFPT2505	8.6247 : 1	2,730	540	FPT	136,269	140,926	99,000	(29.4)	137	07/01/2026
130	CHPG2506	3.3309 : 1	1,220	1,550	HPG	23,150	28,313	26,000	(4.7)	137	07/01/2026
131	CTCB2504	6.0000 : 1	1,100	2,850	TCB	24,500	41,600	39,000	(4.2)	137	07/01/2026
132	CFPT2511	8.6247 : 1	2,400	970	FPT	106,945	115,311	99,000	(13.7)	140	08/01/2026
133	CMBB2509	1.5000 : 1	2,400	6,800	MBB	18,375	28,575	26,900	(3.4)	140	08/01/2026
134	CMSN2511	8.0000 : 1	1,700	3,000	MSN	59,000	83,000	81,000	0.0	140	08/01/2026
135	CMWG2509	7.8865 : 1	1,400	2,300	MWG	53,727	71,866	70,300	(2.9)	140	08/01/2026
136	CSTB2513	4.0000 : 1	2,000	4,550	STB	39,000	57,200	55,500	(3.5)	140	08/01/2026
137	CTPB2502	1.8644 : 1	1,400	4,700	TPB	13,051	21,814	21,600	(1.8)	140	08/01/2026
138	CVHM2510	4.0000 : 1	2,600	10,510	VHM	57,500	99,540	98,100	(1.8)	140	08/01/2026
139	CVIC2509	4.0000 : 1	3,000	15,300	VIC	68,000	129,200	124,100	(4.7)	140	08/01/2026
140	CVNM2510	7.7265 : 1	1,600	910	VNM	58,915	65,946	58,700	(9.6)	140	08/01/2026
141	CVPB2511	1.9471 : 1	2,000	9,710	VPB	18,011	36,917	35,950	(1.8)	140	08/01/2026

142	CACB2509	3.0000 : 1	1,800	2,990	ACB	20,500	29,470	27,850	(3.9)	151	21/01/2026
143	CFPT2516	8.6984 : 1	2,400	1,490	FPT	102,641	115,602	99,000	(13.9)	151	21/01/2026
144	CVNM2514	8.0000 : 1	1,700	1,050	VNM	56,000	64,400	58,700	(7.5)	151	21/01/2026
145	CLPB2506	5.0000 : 1	1,100	2,910	LPB	37,399	51,949	47,000	(11.1)	162	30/01/2026
146	CSHB2508	1.7698 : 1	1,000	3,150	SHB	13,174	18,749	17,250	(4.2)	162	30/01/2026
147	CSSB2506	2.0000 : 1	1,000	2,150	SSB	20,555	24,855	22,100	(11.8)	162	30/01/2026
148	CVNM2517	10.0000 : 1	1,000	470	VNM	66,888	71,588	58,700	(16.7)	162	30/01/2026
149	CVPB2518	4.0000 : 1	1,000	4,040	VPB	20,999	37,159	35,950	(2.4)	162	30/01/2026
150	CFPT2508	6.8997 : 1	4,900	800	FPT	133,682	139,202	99,000	(28.5)	164	03/02/2026
151	CHPG2510	2.4982 : 1	2,400	1,860	HPG	24,149	28,796	26,000	(6.3)	164	03/02/2026
152	CMBB2507	1.5000 : 1	3,000	7,150	MBB	18,000	28,725	26,900	(3.9)	164	03/02/2026
153	CFPT2519	6.9587 : 1	1,500	660	FPT	122,648	127,241	99,000	(21.8)	182	19/02/2026
154	CHPG2528	2.0000 : 1	1,100	990	HPG	30,000	31,980	26,000	(15.6)	182	19/02/2026
155	CMBB2518	1.5000 : 1	1,400	4,230	MBB	21,750	28,095	26,900	(1.8)	182	19/02/2026
156	CFPT2510	21.5616 : 1	1,000	600	FPT	132,819	145,756	99,000	(31.7)	182	19/02/2026
157	CHDB2505	4.0000 : 1	1,000	2,150	HDB	27,777	36,377	32,350	(10.8)	182	19/02/2026
158	CHPG2516	3.3309 : 1	1,000	1,000	HPG	27,572	30,903	26,000	(12.7)	182	19/02/2026
159	CMSN2510	10.0000 : 1	1,000	1,180	MSN	83,399	95,199	81,000	(12.8)	182	19/02/2026
160	CMWG2508	9.8582 : 1	1,000	1,160	MWG	71,964	83,400	70,300	(16.3)	182	19/02/2026
161	CSHB2505	1.7052 : 1	1,000	3,740	SHB	11,765	18,142	17,250	(1.0)	182	19/02/2026
162	CSSB2504	4.0000 : 1	1,000	1,250	SSB	23,123	28,123	22,100	(22.1)	182	19/02/2026
163	CSTB2512	4.0000 : 1	1,100	3,510	STB	45,999	60,039	55,500	(8.0)	182	19/02/2026
164	CVNM2509	7.7265 : 1	1,000	530	VNM	69,537	73,632	58,700	(19.1)	182	19/02/2026
165	CVPB2510	1.9471 : 1	1,100	6,970	VPB	23,040	36,611	35,950	(1.0)	182	19/02/2026
166	CLPB2507	5.0000 : 1	1,100	2,650	LPB	37,979	51,229	47,000	(9.8)	190	27/02/2026
167	CTPB2505	4.0000 : 1	1,000	2,500	TPB	15,678	25,678	21,600	(16.5)	190	27/02/2026
168	CVIB2510	3.5130 : 1	1,000	1,950	VIB	19,223	26,073	23,600	(13.3)	190	27/02/2026
169	CVJC2505	20.0000 : 1	1,000	2,390	VJC	106,868	154,668	140,000	(7.5)	190	27/02/2026
170	CHPG2522	2.4982 : 1	2,300	2,840	HPG	21,651	28,746	26,000	(6.1)	210	19/03/2026
171	CMBB2515	2.2500 : 1	1,750	3,520	MBB	20,250	28,170	26,900	(2.0)	210	19/03/2026
172	CSTB2520	3.0000 : 1	3,300	3,800	STB	48,000	59,400	55,500	(7.0)	210	19/03/2026
173	CTCB2511	3.0000 : 1	2,200	2,500	TCB	35,000	42,500	39,000	(6.2)	210	19/03/2026
174	CACB2502	1.6712 : 1	2,500	3,720	ACB	23,397	29,614	27,850	(4.4)	213	24/03/2026
175	CFPT2503	8.6247 : 1	2,800	500	FPT	155,243	159,555	99,000	(37.6)	213	24/03/2026
176	CHPG2505	1.6654 : 1	2,600	3,000	HPG	24,982	29,978	26,000	(10.0)	213	24/03/2026
177	CMBB2504	1.3033 : 1	2,300	8,170	MBB	17,594	28,242	26,900	(2.3)	213	24/03/2026
178	CMWG2504	4.9291 : 1	2,900	2,350	MWG	65,064	76,647	70,300	(8.9)	213	24/03/2026
179	CVNM2503	4.7916 : 1	2,600	840	VNM	66,123	70,148	58,700	(15.0)	213	24/03/2026
180	CVPB2502	1.9471 : 1	1,900	8,570	VPB	20,444	37,131	35,950	(2.3)	213	24/03/2026
181	CLPB2508	8.0000 : 1	1,100	1,570	LPB	38,688	51,248	47,000	(9.9)	221	01/04/2026
182	CSHB2509	1.7698 : 1	1,100	3,240	SHB	13,470	19,204	17,250	(6.5)	221	01/04/2026
183	CSSB2507	4.0000 : 1	1,000	1,270	SSB	20,999	26,079	22,100	(15.9)	221	01/04/2026
184	CVNM2518	10.0000 : 1	1,000	630	VNM	68,111	74,411	58,700	(19.9)	221	01/04/2026
185	CVPB2519	4.0000 : 1	1,000	3,930	VPB	21,888	37,608	35,950	(3.6)	221	01/04/2026
186	CMBB2505	2.2500 : 1	1,540	4,870	MBB	17,100	28,058	26,900	(1.6)	227	07/04/2026
187	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	8,160	VHM	42,000	99,120	98,100	(1.4)	227	07/04/2026
188	CVPB2504	2.9206 : 1	1,460	5,800	VPB	19,471	36,410	35,950	(0.4)	227	07/04/2026
189	CFPT2512	8.6247 : 1	2,800	1,340	FPT	108,670	120,227	99,000	(17.2)	231	09/04/2026

190	CHPG2517	1.6654 : 1	3,000	4,380	HPG	21,234	28,528	26,000	(5.4)	231	09/04/2026
191	CMBB2510	1.5000 : 1	2,800	6,760	MBB	18,375	28,515	26,900	(3.2)	231	09/04/2026
192	CMWG2510	7.8865 : 1	1,600	2,480	MWG	54,220	73,779	70,300	(5.4)	231	09/04/2026
193	CSTB2514	4.0000 : 1	2,200	4,720	STB	39,500	58,380	55,500	(5.4)	231	09/04/2026
194	CVHM2511	4.0000 : 1	3,000	10,520	VHM	58,000	100,080	98,100	(2.3)	231	09/04/2026
195	CVPB2512	1.9471 : 1	2,200	9,540	VPB	18,497	37,072	35,950	(2.2)	231	09/04/2026
196	CVRE2511	2.0000 : 1	2,300	4,760	VRE	21,500	31,020	30,000	(3.1)	231	09/04/2026
197	CHPG2527	4.0000 : 1	1,000	1,390	HPG	27,444	33,004	26,000	(18.2)	252	30/04/2026
198	CMSN2518	10.0000 : 1	1,100	1,700	MSN	89,999	106,999	81,000	(22.4)	252	30/04/2026
199	CSHB2510	1.7698 : 1	1,100	3,290	SHB	13,666	19,489	17,250	(7.8)	252	30/04/2026
200	CSSB2508	4.0000 : 1	1,000	1,200	SSB	21,666	26,466	22,100	(17.2)	252	30/04/2026
201	CSTB2523	8.0000 : 1	1,100	1,500	STB	56,868	68,868	55,500	(19.8)	252	30/04/2026
202	CVHM2518	8.0000 : 1	1,100	3,470	VHM	90,999	118,759	98,100	(17.7)	252	30/04/2026
203	CVIC2511	8.0000 : 1	1,100	4,130	VIC	113,979	147,019	124,100	(16.3)	252	30/04/2026
204	CVNM2519	10.0000 : 1	1,100	790	VNM	68,999	76,899	58,700	(22.5)	252	30/04/2026
205	CVPB2520	4.0000 : 1	1,000	3,900	VPB	22,222	37,822	35,950	(4.1)	252	30/04/2026
206	CVRE2518	4.0000 : 1	1,100	1,570	VRE	28,999	35,279	30,000	(14.8)	252	30/04/2026
207	CFPT2513	11.2120 : 1	1,700	740	FPT	116,433	124,730	99,000	(20.2)	268	18/05/2026
208	CHPG2518	2.4982 : 1	1,700	2,320	HPG	23,316	29,112	26,000	(7.3)	268	18/05/2026
209	CMBB2511	2.2500 : 1	1,800	4,050	MBB	18,750	27,863	26,900	(0.9)	268	18/05/2026
210	CMSN2512	7.0000 : 1	2,200	3,840	MSN	60,000	86,880	81,000	(4.4)	268	18/05/2026
211	CMWG2511	5.9149 : 1	2,400	2,130	MWG	63,092	75,691	70,300	(7.8)	268	18/05/2026
212	CSTB2515	3.0000 : 1	2,900	7,000	STB	40,000	61,000	55,500	(9.5)	268	18/05/2026
213	CTCB2507	3.0000 : 1	2,800	4,250	TCB	28,500	41,250	39,000	(3.4)	268	18/05/2026
214	CTPB2503	2.0000 : 1	1,700	4,450	TPB	13,000	21,900	21,600	(2.1)	268	18/05/2026
215	CVHM2512	4.0000 : 1	2,950	10,950	VHM	58,000	101,800	98,100	(3.9)	268	18/05/2026
216	CVIB2504	1.7565 : 1	1,900	4,390	VIB	16,687	24,398	23,600	(7.4)	268	18/05/2026
217	CVNM2511	6.0000 : 1	2,200	1,870	VNM	55,000	66,220	58,700	(10.0)	268	18/05/2026
218	CVPB2513	2.0000 : 1	2,500	9,370	VPB	18,000	36,740	35,950	(1.3)	268	18/05/2026
219	CVRE2512	2.0000 : 1	2,900	3,620	VRE	23,500	30,740	30,000	(2.2)	268	18/05/2026
220	CHPG2529	4.0000 : 1	1,000	1,020	HPG	28,050	32,130	26,000	(16.0)	273	21/05/2026
221	CMWG2517	8.8723 : 1	1,370	1,430	MWG	76,401	89,088	70,300	(21.7)	273	21/05/2026
222	CVHM2519	7.0000 : 1	1,500	2,800	VHM	108,200	127,800	98,100	(23.5)	273	21/05/2026
223	CVRE2519	4.0000 : 1	1,100	1,610	VRE	29,999	36,439	30,000	(17.5)	282	01/06/2026
224	CFPT2521	19.0000 : 1	1,190	670	FPT	122,500	135,230	99,000	(26.4)	302	19/06/2026
225	CHPG2530	3.0000 : 1	1,250	1,540	HPG	28,600	33,220	26,000	(18.8)	302	19/06/2026
226	CHPG2531	4.0000 : 1	1,000	1,170	HPG	29,900	34,580	26,000	(21.9)	302	19/06/2026
227	CMWG2516	7.8865 : 1	1,400	1,320	MWG	79,851	90,261	70,300	(22.7)	302	19/06/2026
228	CSTB2524	5.0000 : 1	1,390	2,730	STB	53,900	67,550	55,500	(18.3)	302	19/06/2026
229	CVRE2520	3.0000 : 1	1,500	1,830	VRE	32,700	38,190	30,000	(21.3)	302	19/06/2026
230	CACB2510	2.0000 : 1	1,800	3,790	ACB	22,500	30,080	27,850	(5.9)	302	19/06/2026
231	CFPT2517	8.6984 : 1	2,300	1,550	FPT	106,990	120,473	99,000	(17.4)	302	19/06/2026
232	CHPG2524	1.6654 : 1	2,500	3,490	HPG	23,733	29,545	26,000	(8.6)	302	19/06/2026
233	CLPB2503	4.0000 : 1	1,600	3,780	LPB	35,000	50,120	47,000	(7.8)	302	19/06/2026
234	CMBB2516	1.5000 : 1	2,200	6,040	MBB	19,875	28,935	26,900	(4.6)	302	19/06/2026
235	CMSN2516	4.0000 : 1	3,300	4,950	MSN	72,000	91,800	81,000	(9.5)	302	19/06/2026
236	CMWG2515	3.9433 : 1	3,100	3,530	MWG	67,035	80,955	70,300	(13.8)	302	19/06/2026
237	CSTB2521	4.0000 : 1	2,200	3,190	STB	50,000	62,760	55,500	(12.0)	302	19/06/2026

238	CTCB2512	2.0000 : 1	2,800	3,990	TCB	37,000	44,980	39,000	(11.4)	302	19/06/2026
239	CVHM2516	4.0000 : 1	3,400	7,600	VHM	79,000	109,400	98,100	(10.6)	302	19/06/2026
240	CVIB2508	1.7565 : 1	1,500	4,830	VIB	16,687	25,171	23,600	(10.2)	302	19/06/2026
241	CVNM2515	4.0000 : 1	2,300	2,040	VNM	60,000	68,160	58,700	(12.6)	302	19/06/2026
242	CVPB2516	2.0000 : 1	1,700	8,820	VPB	20,000	37,640	35,950	(3.7)	302	19/06/2026
243	CVRE2516	2.0000 : 1	2,800	3,780	VRE	26,000	33,560	30,000	(10.4)	302	19/06/2026
244	CHPG2523	2.4982 : 1	2,000	2,310	HPG	24,149	29,920	26,000	(9.8)	302	19/06/2026
245	CSTB2519	3.0000 : 1	3,000	3,700	STB	51,000	62,100	55,500	(11.1)	302	19/06/2026
246	CFPT2520	15.0000 : 1	1,310	930	FPT	131,400	145,350	99,000	(31.5)	332	21/07/2026
247	CHPG2532	3.0000 : 1	1,190	1,670	HPG	31,200	36,210	26,000	(25.5)	332	21/07/2026
248	CMWG2518	6.9007 : 1	1,370	1,860	MWG	82,611	95,446	70,300	(26.9)	332	21/07/2026
249	CSTB2525	4.0000 : 1	1,500	3,000	STB	57,200	69,200	55,500	(20.2)	332	21/07/2026
250	CTPB2506	2.0000 : 1	1,170	3,180	TPB	17,700	24,060	21,600	(10.9)	332	21/07/2026
251	CVHM2520	5.0000 : 1	1,500	4,440	VHM	111,900	134,100	98,100	(27.1)	332	21/07/2026
252	CVNM2520	7.0000 : 1	1,250	1,290	VNM	66,100	75,130	58,700	(20.7)	332	21/07/2026
253	CVPB2521	3.0000 : 1	1,120	2,300	VPB	22,150	29,050	35,950	24.8	332	21/07/2026
254	CVPB2522	2.0000 : 1	1,250	3,910	VPB	24,650	32,470	35,950	11.7	332	21/07/2026
255	CVRE2521	2.0000 : 1	1,500	2,660	VRE	35,700	41,020	30,000	(26.7)	332	21/07/2026
256	CACB2511	2.0000 : 1	2,000	4,070	ACB	23,000	31,140	27,850	(9.1)	394	21/09/2026
257	CFPT2518	8.6984 : 1	2,600	1,940	FPT	106,990	123,865	99,000	(19.6)	394	21/09/2026
258	CHPG2525	1.6654 : 1	2,800	3,790	HPG	24,149	30,461	26,000	(11.4)	394	21/09/2026
259	CMBB2517	1.5000 : 1	2,400	6,260	MBB	20,250	29,640	26,900	(6.9)	394	21/09/2026

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..